qián qī

前妻

noun · ex-wife

Example Sentences

Tā de qián qī zhù zài lìng yī gè chéng shì
他的 前 妻 住 在 另 一个 城 市。

His ex-wife lives in another city.

Tā ǒu ěr huì gēn tā de qián qī lián xì
他偶尔会跟他的 前 妻联系。

He occasionally contacts his ex-wife.

Trace each character, then write the word on your own.

前 前 前 前 前 前 前 前 前 前 前

前

妻 妻 妻 妻 妻 妻 妻 妻 妻 妻 妻